

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1098 /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 5 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính giai đoạn 2024 - 2025 đối với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh Thái Nguyên**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Đề án "xác định Bộ chỉ số chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và của quốc gia";

Căn cứ Quyết định số 4020/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Chương trình cải cách hành chính nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 2269/QĐ-UBND ngày 22/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Chương trình nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 307/TTr-SNV ngày 06/5/2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Quy định đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính giai đoạn 2024 - 2025 đối với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh Thái Nguyên (có Quy định kèm theo).

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn cụ thể các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tổ chức đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính hằng năm và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định công bố.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ Quyết định số 2570/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quy định đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính giai đoạn 2022 - 2025 đối với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 1834/QĐ-UBND ngày 06/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quy định đánh giá, xác định Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công đối với UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *AW*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
  - TT. Tỉnh ủy;
  - TT. HĐND tỉnh;
  - Ủy ban MTTQ tỉnh;
  - Lãnh đạo UBND tỉnh;
  - Các Ban Xây dựng Đảng thuộc Tỉnh ủy;
  - Hội Cựu chiến binh tỉnh;
  - Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
  - Trung tâm Thông tin tỉnh;
  - Lưu: VT, HCC.
- Ntkc.5/2024.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Quang Tiến**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY ĐỊNH

**Đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính giai đoạn 2024 - 2025 đối với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh Thái Nguyên**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)

### Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính giai đoạn 2024 - 2025 đối với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh Thái Nguyên.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh quy định tại Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương và Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/09/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương; Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh (sau đây gọi tắt là các sở);

2. UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh Thái Nguyên;

3. Không áp dụng với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, các cơ quan được tổ chức theo hệ thống ngành dọc trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

#### Điều 3. Mục đích, yêu cầu

1. Đánh giá khách quan kết quả thực hiện cải cách hành chính của các sở, UBND các huyện, thành phố.

2. Giúp các sở, UBND các huyện, thành phố phát hiện những tồn tại, hạn chế trong triển khai thực hiện cải cách hành chính, đề ra những giải pháp khắc phục thiếu sót, hạn chế mà Chỉ số cải cách hành chính đã nêu ra.

3. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong triển khai công tác cải cách hành chính.

4. Đánh giá theo nội dung Chương trình cải cách hành chính nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, nội dung Chương trình nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 - 2025.

5. Việc đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính tại các sở, UBND các huyện, thành phố được tổ chức định kỳ hằng năm và thông qua phần mềm đánh giá chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính.

6. Kết quả đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính đối với các sở, UBND các huyện, thành phố là một trong những tiêu chí quan trọng xem xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, công tác thi đua, khen thưởng và đánh giá năng lực, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu.

#### **Điều 4. Nguyên tắc đánh giá**

1. Cấp trên đánh giá cấp dưới.
2. Đảm bảo đánh giá toàn diện, đa chiều; có sự đánh giá bên trong cơ quan hành chính (tự chấm điểm/thẩm định) và đánh giá bên ngoài của người dân, tổ chức (thông qua điều tra xã hội học).

### **Chương II**

#### **NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ VÀ CÁCH TÍNH ĐIỂM**

##### **Điều 5. Nội dung đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính**

1. Đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính theo Quy định này là hệ thống các tiêu chí để đo lường những thay đổi được tạo ra trong quá trình triển khai thực hiện cải cách hành chính tại các sở, UBND các huyện, thành phố.

*(Có phụ lục kèm theo)*

2. Nội dung đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính giai đoạn 2024 - 2025, cụ thể như sau:

- (1) Công tác chỉ đạo, điều hành;
- (2) Cải cách thể chế;
- (3) Cải cách thủ tục hành chính;
- (4) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính;
- (5) Cải cách chế độ công vụ;
- (6) Cải cách tài chính công;
- (7) Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số;
- (8) Nâng cao Hiệu quả quản trị và hành chính công (đối với UBND các huyện, thành phố).

(9) Đánh giá tác động của cải cách hành chính đến phát triển kinh tế xã hội (Chỉ số cải cách hành chính của UBND các huyện, thành phố).

### **Điều 6. Thang điểm và phương pháp đánh giá xác định Chỉ số cải cách hành chính**

1. Thang điểm đánh giá là 100 điểm, gồm có:

- a) Điểm tự chấm/thẩm định;
- b) Điểm điều tra xã hội học.

2. Phương pháp đánh giá

a) Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố tự theo dõi, đánh giá và chấm điểm kết quả triển khai thực hiện cải cách hành chính theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được phê duyệt.

b) Thẩm định điểm tự đánh giá, chấm điểm đối với các sở, UBND các huyện, thành phố.

c) Thực hiện điều tra xã hội học đối với một số tiêu chí điều tra thuộc nhóm điều tra xã hội học.

### **Điều 7. Cách tính điểm**

1. Tính điểm số của mỗi tiêu chí căn cứ vào kết quả, mức độ thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ. Điểm tối đa của tiêu chí được tính trong trường hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ ở mức cao nhất. Các nhiệm vụ không thực hiện, thực hiện không đầy đủ thì tùy theo mức độ thực hiện mà trừ đi số điểm trong tổng số điểm.

2. Chỉ số cải cách hành chính là tỷ lệ % giữa điểm đạt được (điểm thẩm định + điểm điều tra xã hội học) và số điểm tối đa = (số điểm đạt được/số điểm tối đa)\*100%.

\* **Ví dụ:** Qua thẩm định điểm chấm năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường đạt 65 điểm, điểm điều tra xã hội học đạt 21,5 điểm. Vậy số điểm đạt được của Sở Tài nguyên và Môi trường = 65 điểm + 21,5 điểm = 86,5 điểm. Chỉ số cải cách hành chính năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường là:  $(86,5/100)*100\% = 86,5\%$ .

3. Đối với cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ thực hiện trong thực tế chưa hoàn toàn phù hợp với tiêu chí đã được quy định nhưng có nội dung tương tự thì xác định kết quả của công việc tương tự đó và vận dụng để tính điểm cho tiêu chí.

4. Điểm số được tính sau dấu phẩy “hai chữ số”. Nếu sau dấu phẩy “hai chữ số” có đơn vị bằng điểm nhau thì tính đến sau dấu phẩy “ba chữ số”. Nếu vẫn tiếp tục bằng điểm nhau sẽ xếp hạng đơn vị đó bằng nhau.

5. Cách chấm điểm được thực hiện theo hướng dẫn của Sở Nội vụ.

### **Chương III**

## **QUY TRÌNH THỰC HIỆN**

### **Điều 8. Xây dựng báo cáo tự đánh giá, chấm điểm**

#### 1. Tự đánh giá, chấm điểm

a) Các sở, UBND các huyện, thành phố căn cứ quy định này và kết quả thực hiện cải cách hành chính tại đơn vị tự đánh giá, chấm điểm theo từng tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số cải cách hành chính được phê duyệt.

#### b) Thành phần tham gia

- Tại các sở: Do Thủ trưởng đơn vị chủ trì và có sự tham gia của Trưởng các phòng, ban, đơn vị chuyên môn liên quan.

- Tại UBND các huyện, thành phố: Do Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chủ trì và có sự tham gia của Trưởng các phòng chuyên môn liên quan.

#### 2. Gửi báo cáo tự đánh giá, chấm điểm

a) Các sở, UBND các huyện, thành phố xây dựng báo cáo tự đánh giá, chấm điểm cải cách hành chính thông qua Hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên (tài khoản được cấp cho đơn vị).

b) Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm cải cách hành chính phải thể hiện đầy đủ điểm số thực tế của từng tiêu chí, tổng số điểm đạt được, đồng thời cung cấp đầy đủ các tài liệu kiểm chứng, chứng minh cho kết quả đạt được và giải trình chi tiết, cụ thể, ngắn gọn với điểm số tự chấm.

c) Gửi kết quả tự đánh giá, chấm điểm thông qua phần mềm chấm điểm gồm:

- Kết quả tự đánh giá, chấm điểm theo từng tiêu chí được phê duyệt.

- Ý kiến giải trình chi tiết đối với điểm số tự chấm của từng tiêu chí, tiêu chí thành phần và hồ sơ tài liệu kiểm chứng có liên quan; Biểu chấm điểm chiết xuất từ phần mềm được ký, đóng dấu gửi đến cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định theo quy định.

### **Điều 9. Tổ chức thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm**

#### 1. Hội đồng thẩm định, Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định

a) Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, thành phần gồm có:

- Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh là Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

- Giám đốc Sở Nội vụ là Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

- Một (01) Phó Giám đốc Sở Nội vụ và Giám đốc các sở: Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Tài chính, Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các

- Một (01) Phó Giám đốc Sở Nội vụ và Giám đốc các sở: Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Tài chính, Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị liên quan do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định là Thành viên Hội đồng thẩm định.

b) Tổ thẩm định

- Tổ trưởng Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định là 01 Thành viên Hội đồng thẩm định (Phó Giám đốc Sở Nội vụ).

- Tổ viên Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định là công chức của các phòng, đơn vị chuyên môn trực thuộc các Sở: Nội vụ, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Tài chính, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị liên quan.

c) Số lượng Thành viên Hội đồng thẩm định và Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

d) Sở Nội vụ là cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định được sử dụng con dấu của Sở Nội vụ trong quá trình hoạt động.

đ) Hội đồng thẩm định, Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định hoạt động kiêm nhiệm và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

2. Tổ chức thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm

a) Thành viên Hội đồng thẩm định

- Thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các sở, UBND các huyện, thành phố với nội dung tiêu chí, tiêu chí thành phần được phân công.

- Gửi kết quả thẩm định đến Chủ tịch Hội đồng thẩm định đúng thời gian quy định.

b) Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định

- Tổng hợp, phân tích kết quả Chỉ số cải cách hành chính của các sở, UBND các huyện, thành phố và đề xuất việc xếp hạng kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính.

- Báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định kết quả đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính hằng năm.

c) Căn cứ tổ chức thẩm định

- Báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các sở, UBND các huyện, thành phố.

- Hồ sơ, tài liệu để chứng minh cho kết quả tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số cải cách hành chính đối với các sở, UBND các huyện, thành phố.

đơn vị liên quan do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định là Thành viên Hội đồng thẩm định.

b) Tổ thẩm định

- Tổ trưởng Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định là 01 Thành viên Hội đồng thẩm định (Phó Giám đốc Sở Nội vụ).

- Tổ viên Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định là công chức của các phòng, đơn vị chuyên môn trực thuộc các Sở: Nội vụ, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Tài chính, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị liên quan.

c) Số lượng Thành viên Hội đồng thẩm định và Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

d) Sở Nội vụ là cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định được sử dụng con dấu của Sở Nội vụ trong quá trình hoạt động.

đ) Hội đồng thẩm định, Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định hoạt động kiêm nhiệm và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

2. Tổ chức thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm

a) Thành viên Hội đồng thẩm định

- Thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các sở, UBND các huyện, thành phố với nội dung tiêu chí, tiêu chí thành phần được phân công.

- Gửi kết quả thẩm định đến Chủ tịch Hội đồng thẩm định đúng thời gian quy định.

b) Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định

- Tổng hợp, phân tích kết quả Chỉ số cải cách hành chính của các sở, UBND các huyện, thành phố và đề xuất việc xếp hạng kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính.

- Báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định kết quả đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính hằng năm.

c) Căn cứ tổ chức thẩm định

- Báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các sở, UBND các huyện, thành phố.

- Hồ sơ, tài liệu để chứng minh cho kết quả tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số cải cách hành chính đối với các sở, UBND các huyện, thành phố.

- Thông tin, số liệu có liên quan từ các cơ quan chuyên môn cung cấp và các cơ quan khác có liên quan.

- Đối với một số tiêu chí cần có thông tin chuyên ngành mà các báo cáo tự đánh giá, chấm điểm, tài liệu kiểm chứng của các sở, UBND các huyện, thành phố không có thì khai thác, truy vấn các báo cáo, cơ sở dữ liệu của các cơ quan, tổ chức liên quan. Trường hợp cần thiết tổ chức kiểm tra, xác minh thực tế.

- Chỉ thực hiện thẩm định đối với các tiêu chí có đủ tài liệu kiểm chứng, căn cứ, số liệu minh chứng và giải trình chi tiết, rõ ràng.

3. Thời gian thực hiện thẩm định, trình phê duyệt kết quả đánh giá, xác định chỉ số CCHC: 50 ngày (không tính thời gian giải trình, bổ sung tài liệu kiểm chứng kể từ thời điểm kết thúc gửi báo cáo tự đánh giá, chấm điểm đến HĐTĐ của tỉnh qua Hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên).

### **Điều 10. Công bố Chỉ số cải cách hành chính hằng năm**

1. Sở Nội vụ - cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổng hợp điểm thẩm định và điểm điều tra xã hội học để xác định Chỉ số cải cách hành chính đối với các sở, UBND các huyện, thành phố báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt kết quả đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính đối với các sở, UBND các huyện, thành phố.

3. Công bố Chỉ số cải cách hành chính đối với các sở, UBND các huyện, thành phố hằng năm.

### **Điều 11. Xếp hạng và phân loại kết quả Chỉ số cải cách hành chính**

Việc xếp hạng kết quả Chỉ số cải cách hành chính đối với các sở, UBND các huyện, thành phố được tính trên cơ sở số điểm của kết quả thẩm định đối với mỗi sở, UBND các huyện, thành phố cộng với kết quả điểm điều tra xã hội học và được xác định theo thứ tự từ cao xuống thấp, đồng thời phân loại thành các nhóm như sau:

1. Nhóm Xuất sắc: Đạt 90 điểm trở lên.
2. Nhóm Tốt: Đạt từ 80 điểm đến dưới 90 điểm.
3. Nhóm Khá: Đạt từ 70 điểm đến dưới 80 điểm.
4. Nhóm Trung bình: Đạt từ 50 điểm đến dưới 70 điểm.
5. Nhóm Yếu: Đạt dưới 50 điểm.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 12. Trách nhiệm của các sở, UBND các huyện, thành phố**

1. Thực hiện nghiêm túc việc tự đánh giá, chấm điểm nêu tại Quy định này và báo cáo kết quả thực hiện với Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) đúng thời gian quy định theo kế hoạch triển khai hằng năm.

2. Lập danh sách đối tượng điều tra xã hội học, thu thập phiếu khảo sát gửi về Sở Nội vụ theo quy định.

3. Tổ chức phổ biến, quán triệt Quy định này trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương.

4. Căn cứ Quy định này và thực tế triển khai cải cách hành chính tại đơn vị, địa phương xây dựng quy định đánh giá trong phạm vi nội bộ.

5. Kịp thời báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

6. Phân tích những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân, lý do đối với các tiêu chí/nội dung có điểm số thấp, bị trừ điểm và đề ra giải pháp khắc phục sau khi Chủ tịch UBND tỉnh công bố kết quả.

### **Điều 13. Trách nhiệm của Sở Nội vụ và cơ quan có liên quan**

#### 1. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn các sở, UBND các huyện, thành phố đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính hằng năm theo Quy định này.

b) Xây dựng phiếu khảo sát và phương án tổ chức điều tra xã hội học, phối hợp với đơn vị khảo sát độc lập triển khai điều tra xã hội học theo quy định.

c) Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện và trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố kết quả đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính; tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng các sở, UBND các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị, địa phương có thành tích xuất sắc trong công tác cải cách hành chính hằng năm.

d) Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định, Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định.

đ) Tổng hợp khó khăn, vướng mắc trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung tiêu chí đánh giá theo quy định này. Đến năm 2025, nghiên cứu tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quy định đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính giai đoạn 2026 - 2030 đối với các sở, UBND các huyện, thành phố thay thế Quy định này.

e) Lập dự toán kinh phí thực hiện đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính theo quy định.

2. Các sở: Tài chính, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan liên quan cử công chức tham gia Hội đồng thẩm định, Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định theo Quy định này.

3. Sở Tài chính trên cơ sở dự toán các đơn vị lập, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, báo cáo trình cấp có thẩm quyền nguồn kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, quy định về phân cấp ngân sách và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

4. Báo Thái Nguyên, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Trung tâm Thông tin tỉnh

a) Tuyên truyền làm nổi bật mục tiêu, ý nghĩa, nâng cao nhận thức của nhân dân, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính đối với các sở, UBND các huyện, thành phố.

b) Phản ánh trung thực quá trình thực hiện các nội dung cải cách hành chính làm cơ sở giúp Chủ tịch UBND tỉnh đánh giá khách quan, chính xác kết quả thực hiện tại các sở, UBND các huyện, thành phố./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC I  
CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2024 - 2025 CỦA CÁC SỞ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ - UBND ngày 24/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

1. Tổng có 37 tiêu chí.

2. Điểm số 100 điểm.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
<b>I</b>	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC</b>	<b>10</b>				
1.1	Kế hoạch CCHC và triển khai thực hiện	1,5				
1.2	Báo cáo CCHC theo quy định	0,5				
1.3	Kiểm tra công tác CCHC	1,5				
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	1				
1.5	Sáng kiến cải cách hành chính	1,5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
1.6	Phân tích kết quả Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính của đơn vị và giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế.	1				
1.7	Triển khai hoạt động nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công	1				
1.8	Tiêu chí điều tra xã hội học đánh giá tác động công tác lãnh đạo chỉ đạo triển khai cải cách hành chính	2				
<b><u>PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG I (trừ tiêu chí 1.8):</u></b> Sở Nội vụ thẩm định điểm.						
<b>II</b>	<b>CẢI CÁCH THỂ CHẾ</b>	<b>10</b>				
2.1	Tham mưu ban hành văn bản QPPL	1				
2.2	Xử lý văn bản QPPL sau khi có kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền	0,5				
2.3	Rà soát văn bản QPPL theo quy định	1,5				
2.4	Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật	1,5				
2.5	Xây dựng pháp chế ngành	0,5				
2.6	Theo dõi thi hành pháp luật	2				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
2.7	Tiêu chí điều tra xã hội học đánh giá tác động cải cách thể chế	3				
<b><u>PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG II (trừ tiêu chí 2.7):</u></b> Sở Tư pháp thẩm định điểm.						
<b>III</b>	<b>CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>	<b>20</b>				
3.1	Công tác Kiểm soát thủ tục hành chính	5,5				
3.2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	5,5				
3.3	Đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	4				
3.4	Tiêu chí đánh giá tác động cải cách thủ tục hành chính	5				
<b><u>PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG III (Trừ tiêu chí 3.4):</u></b> Văn phòng UBND tỉnh thẩm định.						
<b>IV</b>	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH</b>	<b>13</b>				
4.1	Cải cách tổ chức bộ máy	8				
4.2	Nhóm tiêu chí điều tra xã hội học đánh giá tác động cải cách tổ chức bộ máy	5				
<b><u>PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG IV (trừ tiêu chí 4.2):</u></b> Sở Nội vụ thẩm định.						
<b>V</b>	<b>CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ</b>	<b>17</b>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
5.1	Tuyển dụng công chức, viên chức	1				
5.2	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC)	1,5				
5.3	Thực hiện quy định quản lý, sử dụng công chức, viên chức	10,5				
5.4	Tiêu chí điều tra xã hội học đánh giá tác động của cải cách chế độ công vụ	4				
<b><u>PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG V (Trừ các tiêu chí 5.4):</u></b> Sở Nội vụ thẩm định.						
<b>VI</b>	<b>CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>	<b>10</b>				
6.1	Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính	1,5				
6.2	Thực hiện công khai dự toán, quyết toán việc sử dụng ngân sách	1				
6.3	Quản lý, sử dụng tài sản công	2				
6.4	Đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) trực thuộc	2,5				
6.5	Thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định	1,5				
6.6	Thực hiện kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1,5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
<b><u>PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG VI:</u></b> Sở Tài chính chủ trì thẩm định.						
VII	<b>XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ</b>	<b>20</b>				
7.1	Nhân lực chuyển đổi số	1				
7.2	Tuyên truyền, phổ biến và tập huấn về chuyển đổi số, chính quyền số	1,5				
7.3	Xây dựng Chương trình, kế hoạch chuyển đổi số, chính quyền số và tổ chức thực hiện	1				
7.4	An toàn thông tin mạng	0,5				
7.5	Hoạt động của Chính quyền điện tử, Chính quyền số	12				
7.6	Tiêu chí điều tra xã hội học đánh giá tác động của chính quyền điện tử	4				
<b><u>PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG VII (trừ tiêu chí 7.6):</u></b> Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định.						

Kết quả	Tổng điểm tối đa	Tổng điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Chỉ số CCHC
		Điều tra XHH	Tự đánh giá	HĐTD đánh giá		
TỔNG ĐIỂM	100					

**PHỤ LỤC II**  
**CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2024 - 2025 CỦA UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ - UBND ngày 24/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

1. Tổng có 47 tiêu chí.
2. Điểm số 100 điểm.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
<b>I</b>	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC</b>	<b>8</b>				
1.1	Kế hoạch CCHC và triển khai thực hiện	1				
1.2	Báo cáo CCHC	0,5				
1.3	Kiểm tra công tác CCHC	1,5				
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	1				
1.5	Sáng kiến về CCHC	1				
1.6	Phân tích kết quả Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính và Chỉ số cải cách hành chính của địa phương và có giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế	1				
1.7	Tiêu chí điều tra xã hội học đánh giá tác động công tác lãnh đạo chỉ đạo triển khai cải cách hành chính	2				
<b>PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG I (trừ tiêu chí 1.7):</b> Sở Nội vụ thẩm định.						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
<b>II</b>	<b>CẢI CÁCH THỂ CHẾ</b>	<b>8</b>				
2.1	Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)	0,5				
2.2	Kiểm tra, rà soát văn bản QPPL	1				
2.3	Kiểm tra văn bản QPPL	1				
2.4	Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật	1				
2.5	Thực hiện các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật	1,5				
2.6	Tác động của cải cách thể chế	3				
<b><u>PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG II (trừ tiêu chí 2.6):</u></b> Sở Tư pháp thẩm định.						
<b>III</b>	<b>CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>	<b>14</b>				
3.1	Kiểm soát thủ tục hành chính	3				
3.2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	8				
3.3	Đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông	3				
<b><u>PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG III:</u></b> Văn phòng UBND tỉnh thẩm định.						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
<b>IV</b>	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH</b>	<b>12</b>				
4.1	Cải cách tổ chức bộ máy	8				
4.2	Tiêu chí điều tra xã hội học đánh giá tác động cải cách tổ chức bộ máy	4				
<b><u>PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG IV (trừ tiêu chí 4.2):</u></b> Sở Nội vụ thẩm định.						
<b>V</b>	<b>CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ</b>	<b>15</b>				
5.1	Tuyển dụng công chức, viên chức	1				
5.2	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1				
5.3	Thực hiện quy định quản lý, sử dụng công chức, viên chức	6,5				
5.4	Đánh giá cán bộ, công chức cấp xã	2,5				
5.5	Tiêu chí điều tra xã hội học đánh giá tác động cải cách công vụ	4				
<b><u>PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG V (Trừ tiêu chí 5.5):</u></b> Sở Nội vụ thẩm định.						
<b>VI</b>	<b>CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>	<b>8</b>				
6.1	Thực hiện cơ chế khoán biên chế, kinh phí hành chính	0,5				
6.2	Đổi mới cơ chế tài chính với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	1,5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
6.3	Thực hiện công khai dự toán, quyết toán việc sử dụng ngân sách	1				
6.4	Quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định	1				
6.5	Thực hiện đúng quy định về định mức sử dụng trang thiết bị, tài sản công	0,5				
6.6	Thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	1				
6.7	Thực hiện kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1				
6.8	Thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định	1,5				
<b><u>PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG VI: Sở Tài chính thẩm định.</u></b>						
<b>VII</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ</b>	<b>17</b>				
7.1	Nhân lực chuyển đổi số	1				
7.2	Tuyên truyền, phổ biến và tập huấn về chuyển đổi số, chính quyền số	0,5				
7.3	Xây dựng Chương trình, kế hoạch chuyển đổi số, chính quyền số và tổ chức thực hiện	1				
7.4	An toàn thông tin mạng	0,5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
7.5	Hoạt động của Chính quyền điện tử, Chính quyền số	10				
7.6	Tác động của xây dựng chính quyền điện tử	4				
<b><u>PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG VII (trừ tiêu chí 7.6):</u></b> Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định.						
<b>VIII</b>	<b>NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG</b>	<b>8</b>				
8.1	Tham gia người dân ở cấp cơ sở	1				
8.2	Công khai minh bạch	2				
8.3	Trách nhiệm giải trình	1				
8.4	Tiếp công dân	1				
8.5	Công tác phòng chống tham nhũng	1				
8.6	Cung cấp dịch vụ công thiết yếu	2				
<b><u>PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG VIII:</u></b>						
Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan thẩm định các tiêu chí thuộc nội dung VIII						
<b>IX</b>	<b>TÁC ĐỘNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI</b>	<b>10</b>				
9.1	Thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm	0,5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
9.2	Thực hiện đối thoại với doanh nghiệp trên địa bàn	0,5				
9.3	Thực hiện thu ngân sách được cấp có thẩm quyền giao	1				
9.4	Kết quả đánh giá hài lòng về sự phục vụ hành chính của tổ chức, người dân tại địa phương	8				

**PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG IX:**

- Sở Tài chính thẩm định tiêu chí 9.3;
- Sở Nội vụ thẩm định tiêu chí 9.1; 9.2; căn cứ kết quả Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính của UBND các huyện, thành phố chấm điểm cho tiêu chí 9.4.

**KẾT QUẢ**

Kết quả	Tổng điểm tối đa	Tổng điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Chỉ số CCHC
		Điều tra XHH	Tự đánh giá	HĐTĐ đánh giá		
<b>Số điểm</b>	<b>100</b>					
<b>Tổng số điểm</b>						